

3. Thành lập phường Tân Bình trên cơ sở 552 ha diện tích tự nhiên và 7.884 nhân khẩu.

Địa giới hành chính phường Tân Bình: Đông giáp phường Tân Xuân; Tây giáp xã Tiến Thành; Nam giáp xã Tiến Hưng; Bắc giáp phường Tân Phú.

4. Thành lập phường Tân Phú trên cơ sở 843 ha diện tích tự nhiên và 7.169 nhân khẩu.

Địa giới hành chính phường Tân Phú: Đông giáp phường Tân Đông; Tây giáp xã Tiến Thành; Nam giáp phường Tân Bình; Bắc giáp xã Thuận Lợi (huyện Đồng Phú).

5. Thành lập xã Tiến Thành trên cơ sở 2.420 ha diện tích tự nhiên và 2.820 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Tiến Thành: Đông giáp phường Tân Phú và phường Tân Bình; Tây giáp xã Tân Thành; Nam giáp xã Tiến Hưng; Bắc giáp xã Thuận Lợi (huyện Đồng Phú).

6. Thành lập xã Tân Thành trên cơ sở 5.728 ha diện tích tự nhiên và 8.390 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Tân Thành: Đông giáp xã Tiến Thành; Tây giáp xã Minh Lập (huyện Bình Long); Nam giáp xã Tiến Hưng; Bắc giáp xã Thuận Lợi (huyện Đồng Phú).

7. Thành lập xã Tiến Hưng trên cơ sở 5.200 ha diện tích tự nhiên và 7.361 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Tiến Hưng: Đông giáp xã Tân Hưng (huyện Đồng Phú); Tây giáp xã An Ninh (huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương); Nam giáp xã Tân Lợi (huyện Đồng Phú); Bắc giáp xã Tiến Thành, xã Tân Thành, phường Tân Bình và phường Tân Xuân.

**Điều 3.** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 4.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình

Phước, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. /.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

## **NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 91/1999/NĐ-CP ngày 04/9/1999 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngân hàng.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

*Chương I*

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Thanh tra ngân hàng là Thanh tra nhà nước chuyên ngành về ngân hàng, được tổ chức thành hệ thống thuộc bộ máy của Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và có con dấu riêng.

**Điều 2.** Đối tượng của Thanh tra ngân hàng là:

1. Tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng;
2. Hoạt động ngân hàng của các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cho phép;
3. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng của các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

**Điều 3.** Mục đích hoạt động của Thanh tra ngân hàng là nhằm góp phần bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, phục vụ việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

**Điều 4.** Nội dung hoạt động của Thanh tra ngân hàng gồm có:

1. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, việc thực hiện các quy định trong giấy phép hoạt động ngân hàng;
2. Phát hiện, ngăn chặn và xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng;
3. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác thực hiện các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng;
4. Xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức và hoạt động ngân hàng; tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trong ngành ngân hàng.

**Điều 5.** Hoạt động của Thanh tra ngân hàng chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời; không một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của Thanh tra ngân hàng.

## Chương II

### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA NGÂN HÀNG

**Điều 6.** Thanh tra ngân hàng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện việc giám sát thường xuyên và tiến hành các cuộc thanh tra trực tiếp về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, về hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác, về hoạt động ngoại hối và kinh doanh vàng thuộc chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, nhằm phát hiện, ngăn chặn các vi phạm; kiến nghị biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng;
2. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước áp dụng các biện pháp xử lý sau đây:
  - a) Đặt tổ chức tín dụng vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;
  - b) Đình chỉ một số hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng và của tổ chức khác có hoạt động ngân hàng;
  - c) Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng; thu hồi giấy phép hoạt động ngân hàng của tổ chức khác.
3. Xử phạt vi phạm hành chính và kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật;
4. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kiểm toán vào kiểm toán tổ chức tín dụng;

5. Được bảo lưu ý kiến, nếu Thủ trưởng cơ quan Ngân hàng Nhà nước cùng cấp không nhất trí với kết luận của Thanh tra ngân hàng và chịu trách nhiệm về ý kiến đó, đồng thời phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thanh tra;

6. Thẩm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các khiếu nại, tố cáo liên quan đến ngành ngân hàng; tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về chỉ đạo, kiểm tra việc phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật trong ngành ngân hàng;

7. Bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho cán bộ, công chức thuộc hệ thống Thanh tra ngân hàng;

8. Quản lý, chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch và nghiệp vụ công tác thanh tra trong ngành ngân hàng;

9. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Pháp lệnh Thanh tra và các nhiệm vụ khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

**Điều 7.** Khi tiến hành thanh tra, Thanh tra ngân hàng có những quyền hạn sau đây:

1. Yêu cầu đối tượng bị thanh tra và các bên có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;

2. Lập biên bản thanh tra và kiến nghị biện pháp giải quyết;

3. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

4. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

**Điều 8.** Khi tiến hành thanh tra, Thanh tra ngân hàng có trách nhiệm như sau:

1. Xuất trình quyết định thanh tra và thẻ Thanh tra viên;

2. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục thanh tra, không gây phiền hà, sách nhiễu làm cản trở hoạt động ngân hàng bình thường và gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng;

3. Báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp giải quyết;

4. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và trước pháp luật về kết luận thanh tra và mọi hành vi, quyết định của mình.

### Chương III

## TỔ CHỨC CỦA THANH TRA NGÂN HÀNG

**Điều 9.** Hệ thống tổ chức Thanh tra ngân hàng bao gồm:

1. Thanh tra Ngân hàng nhà nước;

2. Thanh tra Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra Chi nhánh Ngân hàng nhà nước);

3. Cơ cấu tổ chức của hệ thống Thanh tra ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Tổng Thanh tra Nhà nước.

**Điều 10.** Thanh tra ngân hàng chịu sự chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra ngân hàng trên phạm vi cả nước.

**Điều 11.** Các chức vụ điều hành hoạt động Thanh tra ngân hàng gồm:

1. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra;

2. Thanh tra Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước có Chánh Thanh tra Chi nhánh, các Phó Chánh Thanh tra Chi nhánh.

**Điều 12.** Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị, Tổng Thanh tra Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ khác và các ngạch thanh tra viên ngân hàng thực hiện theo các quy định của pháp luật thanh tra hiện hành.

**Điều 13.** Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra ngân hàng quy định tại Điều 6 của Nghị định này;

2. Quyết định lập Đoàn Thanh tra hoặc cử thanh tra viên đi thanh tra, phúc tra đối với các tổ chức tín dụng và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng;

3. Tạm đình chỉ (có thời hạn) việc thi hành quyết định của tổ chức tín dụng và của tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, nếu quyết định đó trái Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật về thanh tra; đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

4. Tạm đình chỉ (có thời hạn) việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý nhà nước trực tiếp của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với người đang cộng tác với tổ chức Thanh tra ngân hàng hoặc đang là đối tượng bị thanh tra, nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra; nếu quyết định nói trên là của thủ trưởng cơ quan, đơn vị không do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý trực tiếp thì kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định, đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

5. Cảnh cáo, tạm đình chỉ (có thời hạn) công tác người của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cố ý cản trở việc thanh tra hoặc không thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định của Thanh tra ngân hàng; nếu người đó là thủ trưởng cơ quan, đơn vị do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý trực tiếp hoặc là người không thuộc quyền quản lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, thì kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định, đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

6. Tạm đình chỉ (có thời hạn) công tác người thuộc tổ chức tín dụng và tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, nếu có căn cứ người đó đã vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

7. Tạm đình chỉ (có thời hạn) những hoạt động ngân hàng sai trái của tổ chức tín dụng và của tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, nếu có căn cứ những hoạt động đó đã vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

8. Thực hiện các quyền hạn khác quy định tại Điều 9, Điều 14 của Pháp lệnh Thanh tra.

**Điều 14.** Chánh Thanh tra Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra ngân hàng của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước;

2. Ra quyết định hoặc đề nghị Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố ra quyết định thanh tra, kiểm tra tổ chức tín dụng và tổ chức khác có hoạt động ngân hàng trong phạm vi trách nhiệm quản lý của chi nhánh Ngân hàng Nhà nước;

3. Tạm đình chỉ (có thời hạn) việc thi hành quyết định của tổ chức tín dụng và của tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, nếu quyết định đó trái Luật

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật về thanh tra; đồng thời báo cáo Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước và Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước;

4. Kiến nghị Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước thực hiện các biện pháp sau đây:

a) Đình chỉ một số hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng và của tổ chức khác có hoạt động ngân hàng thuộc thẩm quyền của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước;

b) Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, thu hồi giấy phép hoạt động ngân hàng của tổ chức khác thuộc thẩm quyền của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước.

5. Xử phạt theo thẩm quyền và kiến nghị Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật, đồng thời báo cáo Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước;

6. Tạm đình chỉ (có thời hạn) việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước đối với người đang cộng tác với tổ chức Thanh tra ngân hàng hoặc đang là đối tượng bị thanh tra, nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra; nếu quyết định nói trên là của thủ trưởng cơ quan, đơn vị không do Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước quản lý trực tiếp thì kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định; đồng thời báo cáo Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước và Chánh Thanh tra Ngân hàng nhà nước;

7. Cảnh cáo, tạm đình chỉ (có thời hạn) công tác người cố ý cản trở việc thanh tra hoặc không thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định của Thanh tra ngân hàng; nếu người đó là thủ trưởng cơ quan,

đơn vị do Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước quản lý trực tiếp hoặc là người của cơ quan, đơn vị không thuộc quyền quản lý của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước thì kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định; đồng thời báo cáo Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước và Chánh Thanh tra Ngân hàng nhà nước;

8. Trong quá trình thanh tra, được yêu cầu tạm đình chỉ (có thời hạn) những hoạt động ngân hàng trái pháp luật, đồng thời báo cáo Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước và Chánh Thanh tra Ngân hàng nhà nước;

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 6, 9 Điều 6 Nghị định này.

#### *Chương IV*

#### THANH TRA VIÊN NGÂN HÀNG

**Điều 15.** Thanh tra viên ngân hàng phải đáp ứng tiêu chuẩn các ngạch công chức ngành Thanh tra nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 16.** Việc bổ nhiệm thanh tra viên ngân hàng (cấp I) phải từ những công chức đã có ít nhất ba năm làm nghiệp vụ ngân hàng, trong đó có một năm làm công tác thanh tra ngân hàng.

**Điều 17.** Thanh tra viên ngân hàng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Nghị định này.

**Điều 18.** Thanh tra viên trong hệ thống Thanh tra ngân hàng được hưởng chế độ, chính sách đãi ngộ và chế độ trang bị phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

*Chương V***QUAN HỆ GIỮA THANH TRA NGÂN HÀNG  
VỚI CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN**

**Điều 19.** Thanh tra ngân hàng chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra nhà nước và thực hiện các mối quan hệ khác với Thanh tra nhà nước theo quy định của pháp luật về thanh tra.

**Điều 20.** Thanh tra ngân hàng trong quá trình thanh tra tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng và hoạt động ngân hàng của tổ chức khác, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc cơ quan, đơn vị địa phương nào thì Thanh tra ngân hàng có trách nhiệm thông báo cho Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc của cơ quan, đơn vị địa phương đó.

Tổ chức Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức Thanh tra nhà nước ở địa phương khi thực hiện thanh tra, kiểm tra các hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng thì tổ chức thanh tra đó có trách nhiệm thông báo cho Thanh tra ngân hàng; nếu những vi phạm đó có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì phải chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền, đồng thời thông báo cho Thanh tra ngân hàng.

**Điều 21.** Thanh tra ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân các cấp trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện tổ

chức tín dụng, tổ chức khác hoạt động ngân hàng có dấu hiệu cấu thành tội phạm, Thanh tra ngân hàng phải chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Các cơ quan điều tra khi cần thiết phải phối hợp với Thanh tra ngân hàng trong quá trình tiến hành điều tra các vấn đề có liên quan đến hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, của tổ chức khác và của các cá nhân.

**Điều 22.** Thanh tra ngân hàng được sử dụng cộng tác viên trong hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra hiện hành.

*Chương VI***KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

**Điều 23.** Cán bộ, công chức, cộng tác viên và tổ chức Thanh tra ngân hàng có thành tích trong hoạt động thanh tra, được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

**Điều 24.** Thanh tra viên ngân hàng có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật, thiếu trách nhiệm trong khi thi hành nhiệm vụ, bao che cho tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng và các quy định của Nghị định này, tùy mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

*Chương VII***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 25.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 26.** Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 27.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

*Thủ tướng*

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 92/1999/  
NĐ-CP ngày 04/9/1999 về xử phạt  
vi phạm hành chính trong lĩnh vực  
hàng hải.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 12 tháng 7 năm 1990;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

*Chương I*

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải là những hành vi vi phạm quy tắc quản lý nhà nước trong lĩnh vực hàng hải do tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải xử phạt vi phạm hành chính.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải quy định trong Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm trong hoạt động khai thác cảng biển;

b) Vi phạm trong hoạt động hàng hải của tàu thuyền trong phạm vi cảng biển và khu vực hàng hải;

c) Vi phạm trong hoạt động kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải;

d) Vi phạm trong hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải;

đ) Vi phạm trong hoạt động trục vớt tài sản chìm đắm;

e) Vi phạm trong hoạt động bảo đảm an toàn hàng hải.

**Điều 2.** Đối tượng áp dụng.

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải đều bị xử lý theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải tại các cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam (trừ các khu vực cảng và vùng nước cảng dùng cho mục đích quân sự) cũng bị xử phạt theo quy định của Nghị định này, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành